

Phụ lục VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở
Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế CBTT tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61 /2026/TB-NTW

Nhơn Trạch, ngày 19 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

- Mã chứng khoán: NTW.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513.560.574 Fax: 02513.560.031
- Email: capnuocnhontrach.ntw@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Thông báo về việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đã ký hợp đồng kiểm toán số: 652.2025/HĐKT-RSMHCM ngày 18/05/2026 với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/05/2026 tại đường dẫn: <http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người Đại diện theo pháp luật

Tài liệu đính kèm:

Hợp đồng số: 652.2025/HĐKT-RSMHCM ngày 18/05/2026.



Trần Văn Thùy

Số: 652.2025/HĐKT-RSMHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2026

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

(V/v: Soát xét thông tin tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 03 năm 2011 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 - Hợp đồng Kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Quyết định số 902/QĐ - UBCK ngày 19 tháng 11 năm 2025 và Quyết định số 543/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam được kiểm toán cho Đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Người đại diện : Ông TRẦN VĂN THÙY

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch,
Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : (84 251) 3560574

Fax : (84 251) 3560 031

Mã số thuế : 3600977120

Tài khoản (VND) số : 117000576868

Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Nhơn Trạch

BÊN B : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Người đại diện : Ông ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : 147-147 Bis Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 28) 3827 5026

Fax : (84 28) 3827 5027

Mã số thuế : 0302361789

Tài khoản (VND) số : 700-001-704294

Tại : Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Hội sở

Sau khi bàn bạc thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký Hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A:

- Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính của Bên A cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của Bên A.
- Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và Soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- b. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và soát xét. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét.
- d. Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán và soát xét vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính;
- e. Tạo điều kiện thuận tiện cho nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A;
- f. Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán, soát xét và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo các điều khoản của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B

- a. Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính;
- b. Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không. Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét. Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được;
- c. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét;
- d. Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ thông tin cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- e. Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A;
- f. Do những hạn chế vốn có của kiểm toán, ví dụ như là việc sử dụng các xét đoán, kiểm tra số liệu trên cơ sở chọn mẫu, và khả năng mà việc thông đồng, giả mạo, cố ý, xuyên tạc bỏ sót, hoặc lạm quyền của kiểm soát nội bộ có thể ngăn cản kiểm toán viên phát hiện các sai sót, các hành vi gian lận hoặc không tuân thủ theo pháp luật, và quy định có tính trọng yếu, nên có thể có rủi ro là sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính không bị phát hiện, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;
- g. Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính;
- h. Thông báo cho Bên A các tình huống có thể dẫn đến việc trì hoãn việc hoàn thành các công việc của Bên B trong quá trình kiểm toán, hoặc mở rộng phạm vi công việc, tăng phí cho khối lượng công việc;

- i. Khi Bên B phát hiện hoặc nghi ngờ có hành vi gian lận hoặc không tuân thủ pháp luật, Bên B sẽ trao đổi kịp thời với cấp quản lý phù hợp của Ban Giám đốc hoặc Ban quản trị Công ty về hành vi này. Sau khi đã thông báo và hoàn tất đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo quy định, nếu Bên B xét thấy không thể hoặc không đủ cơ sở đưa ra kết luận của kiểm toán viên và ý kiến kiểm toán, Bên B có quyền từ chối đưa ra kết luận của kiểm toán viên và ý kiến kiểm toán hoặc đơn phương rút khỏi hợp đồng kiểm toán sau khi gửi thông báo bằng văn bản đến Bên A, mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt, bồi thường hoặc trách nhiệm nào khác;
- j. Cho mục đích thực hiện thủ tục chấp thuận trước khi cung cấp dịch vụ cho Bên A, Bên B sẽ thực hiện việc thu thập đầy đủ các chấp thuận cần thiết đối với các dịch vụ không phải là dịch vụ đảm bảo mà Bên B dự kiến cung cấp cho Bên A và/hoặc cho các đơn vị có quan hệ kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp với Bên A;

Bên cạnh đó, Bên B sẽ tiến hành rà soát và trao đổi về tất cả các mối quan hệ cũng như các vấn đề liên quan giữa Bên B, các công ty thành viên khác trong mạng lưới RSM toàn cầu (sau đây gọi chung là "Các Công ty RSM khác") và Bên A. Đây là những yếu tố mà theo đánh giá chuyên môn của Bên B có thể được xem là ảnh hưởng hợp lý đến tính độc lập trong công tác kiểm toán. Trên cơ sở đó, Bên B sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để loại bỏ hoặc giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của những yếu tố này ở mức có thể chấp nhận được;

Ngoài ra, Bên B xác nhận rằng nhóm kiểm toán viên của Bên B cũng như các nhân sự liên quan từ Các Công ty RSM khác (nếu có) tham gia vào việc thực hiện Hợp đồng này đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến yêu cầu về tính độc lập.

ĐIỀU 3: BẢO CÁO KIỂM TOÁN, BẢO CÁO SOÁT XÉT

Công việc kiểm toán và soát xét sẽ được bắt đầu khi Bên B nhận được báo cáo tài chính chưa kiểm toán và soát xét trước 2 ngày làm việc. Nếu Bên A không thể cung cấp kịp thời Bên B sẽ không thể tiến hành theo kế hoạch kiểm toán và soát xét đã thông báo; và do đó, thời gian thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét trở lại sẽ do Bên B sắp xếp và thông báo cho Bên A.

Báo cáo kiểm toán và báo cáo soát xét sẽ được phát hành sớm hơn hay đúng thời hạn phụ thuộc vào việc Bên A tạo mọi điều kiện cần thiết để Bên B hoàn thành công việc theo yêu cầu.

Nếu Bên B không thể thực hiện dịch vụ do các sự kiện bất khả kháng, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A để thực hiện những biện pháp xử lý mà Bên B cho là thích hợp.

Sau khi kết thúc kiểm toán hoặc soát xét, Bên B sẽ phát hành cho Bên A:

- Mười (10) bộ báo cáo soát xét bằng tiếng Việt kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét. Bên A giữ chín(09) bộ, Bên B giữ một (01) bộ.
- Mười (10) bộ báo cáo kiểm toán bằng tiếng Việt kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Bên A giữ chín(09) bộ, Bên B giữ một (01) bộ.
- Hai (02) bộ thư quản lý (nếu có) bằng tiếng Việt đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Bên A giữ một (01) bộ, Bên B giữ một (01) bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan;

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan;

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán hoặc soát xét của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản thảo của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: SỬA ĐỔI VÀ DIỄN GIẢI MANG TÍNH HỒI TỐ

Kết quả kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải và nhận thức của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan quản lý nhà nước sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Bên A xác nhận sự hiểu biết của mình về việc có thể xảy ra rủi ro này.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1. Phí dịch vụ:

Soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2026 và Kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 theo VAS
(*Bằng chữ: Năm mươi tám triệu đồng chẵn.*)

58.000.000 đồng

Phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo luật thuế tại thời điểm hoàn tất dịch vụ và phát hành hóa đơn.

5.2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng vào tài khoản thanh toán nêu tại phần đầu hợp đồng.

- **Đợt 1:** Thanh toán 50% giá trị Hợp đồng ngay sau khi ký Hợp đồng. Thời hạn thanh toán là 10 ngày làm việc sau khi ký Hợp đồng.
- **Đợt 2:** Thanh toán 50% giá trị còn lại cho Bên B ngay khi nhận được đủ bộ báo cáo kiểm toán và hóa đơn tài chính của Bên B. Thời hạn thanh toán là 10 ngày làm việc kể từ khi Bên B phát hành hóa đơn. Bên B có quyền tính lãi trả chậm ở mức cao nhất mà luật pháp cho phép nếu Bên A không thanh toán đúng theo các điều khoản về thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được chứng từ hóa đơn.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT

Bên B sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin được cung cấp bởi Bên A (trừ khi đó là thông tin công khai, thông tin được Bên A cho phép tiết lộ hoặc theo yêu cầu của pháp luật).

Bên B có thể lưu trữ, xử lý, truyền và sao lưu dữ liệu cá nhân trên nền tảng đám mây lưu trữ. Đám mây này có thể do nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba quản lý. Bên B sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý để đảm bảo dữ liệu được lưu trữ và bảo mật theo đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Bên A sẽ giữ bí mật mọi phương pháp luận và công nghệ được sử dụng để thực hiện dịch vụ và không tiết lộ bất kỳ văn bản, thông tin được cung cấp bởi Bên B hoặc các điều khoản của Hợp đồng và Phụ lục trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận báo giá hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là khi soạn thảo thư báo giá, Bên B chỉ được phép cung cấp tên, logo của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc đã cung cấp cho Bên A.

ĐIỀU 7: SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Các giấy tờ và hồ sơ kiểm toán liên quan đến việc kiểm toán và cung cấp dịch vụ do Bên B tạo ra trong quá trình thực hiện và cung cấp dịch vụ, kể cả các tài liệu và hồ sơ kiểm toán bằng điện tử, là tài sản sở hữu trí tuệ của riêng Bên B. Bên B giữ quyền tác giả với tất cả tài liệu cung cấp cho Bên A và Bên A được quyền sử dụng sau khi thanh toán cho Bên B. Tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp trong quá trình Bên B thực hiện dịch vụ vẫn là tài sản trí tuệ của Bên A.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG TIỆN LIÊN LẠC ĐIỆN TỬ

Các bên hiểu và thừa nhận rằng: Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet, trừ khi một trong hai bên có các yêu cầu khác. Việc liên lạc bằng phương tiện liên lạc điện tử có thể tiềm ẩn những rủi ro, bao gồm nhưng không giới hạn như: liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp

pháp dữ liệu bị sửa đổi làm sai lệch nội dung hoặc bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các bên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro ngay trước khi dữ liệu được truyền dẫn đến Bên còn lại.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quy trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm phương án giải quyết. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Hai bên cam kết thực hiện Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của hai bên. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được thông qua thương lượng và hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết chung cuộc bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Hội đồng trọng tài gồm 1 trọng tài viên do VIAC chỉ định. Địa điểm xét xử trọng tài là tại Thành phố Hồ Chí Minh và ngôn ngữ trọng tài là Tiếng Việt.

ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Không một bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với bên kia nếu một bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

ĐIỀU 11: MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Trong phạm vi pháp luật cho phép, trách nhiệm tối đa của Bên B liên quan đến dịch vụ đã cung cấp (bao gồm cả chi phí pháp lý) phát sinh do sơ suất hoặc do những nguyên nhân khác, sẽ không vượt quá mức phí Bên B thực nhận cho phần dịch vụ hoặc công việc làm phát sinh trách nhiệm này.

Trong mọi trường hợp Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các khoản thiệt hại, khoản lỗ hay chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn lợi nhuận bị sụt giảm, chi phí cơ hội...) của Bên A hoặc bất kỳ bên thứ ba nào.

Bên A có thể khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường (nếu có) liên quan đến dịch vụ hoặc các vấn đề khác theo Hợp đồng này trong vòng 5 năm kể từ ngày hoàn thành dịch vụ.

ĐIỀU 12: THU HÚT HOẶC TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN CỦA BÊN B

Tính độc lập của các kiểm toán viên của Bên B có thể bị ảnh hưởng nếu Bên A thu hút hoặc tuyển dụng nhân viên của Bên B làm việc cho mình. Điều này có thể làm cho việc cung cấp dịch vụ bị trì hoãn hoặc khiến Bên B phải chấm dứt việc cung cấp dịch vụ. Trong thời hạn của Hợp đồng này và trong khoảng thời gian 6 tháng sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A sẽ không, vì bất kỳ lý do gì và khi không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên B, tiến hành thương lượng để tuyển dụng nhân viên của Bên B.

ĐIỀU 13: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có thể được chấm dứt khi:

- Hai bên nhất trí chấm dứt hợp đồng; hoặc
- Một trong hai bên lâm vào tình trạng phá sản, giải thể hoặc mất khả năng thanh toán; hoặc
- Bên B có thể chấm dứt hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Bên A nếu Bên B xác định một cách hợp lý rằng Bên A vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào mà không khắc phục trong thời hạn được yêu cầu; hoặc Bên B xét thấy không thể tiếp tục dịch vụ theo quy định pháp luật hoặc nghĩa vụ về đạo đức nghề nghiệp của mình.

Nếu Hợp đồng bị chấm dứt bởi một trong hai bên trước khi hoàn thành dịch vụ, Bên A đồng ý sẽ thanh toán cho Bên B tất cả các phần dịch vụ đã thực hiện và chi phí đã phát sinh đến ngày chấm dứt. Bên A phải thanh toán cho Bên B không chậm hơn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát hành hoá đơn.

Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình.

ĐIỀU 14: CHỐNG HỐI LỘ VÀ LỆNH TRỪNG PHẠT

Bên B hiểu rằng, Bên A có thể đã và đang áp dụng các chính sách nội bộ, các quy định pháp luật có liên quan nhằm ngăn ngừa việc đưa hối lộ cho quan chức và các chủ thể khác để tác động sự trợ giúp của quan chức và chủ thể đó cho Bên A về bất kỳ vấn đề nào. Bên B cũng có thể thuộc đối tượng áp dụng các quy định tương tự đó và cũng đã ban hành các chính nội bộ nhằm ngăn ngừa các hành động bất hợp pháp này. Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Bên B không thực hiện việc đề xuất, hứa, hoặc đưa ra các lợi ích tài chính cũng như lợi ích khác cho bất kỳ cá nhân nào nhằm thuyết phục cá nhân này xử lý công việc trái quy định hoặc gây ảnh hưởng để mang tới/gia tăng lợi ích cho Bên A.

Mỗi bên phải tuân thủ tất cả các lệnh về trừng phạt kinh tế cũng như các quy định liên quan (hoặc có thể ảnh hưởng đến) việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng này. Các quy định này có thể hạn chế hoặc nghiêm cấm việc cung cấp dịch vụ và các kết quả tư vấn đến các khu vực hoặc cho đối tượng đang chịu lệnh trừng phạt kinh tế. Nếu trong thời hạn của Hợp đồng này, một bên biết được bất kỳ lệnh trừng phạt nào liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng này, thì bên đó sẽ phải nhanh chóng thông báo cho bên còn lại về việc này và Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

ĐIỀU 15: HIỆU LỰC VÀ NGÔN NGỮ

Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt, dưới dạng văn bản có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên, hoặc dưới định dạng PDF được hai bên xác thực bằng chữ ký điện tử.

Nếu được lập thành văn bản, hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký. Mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt.

Nếu được lập thành hợp đồng điện tử, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên xác thực bằng chữ ký điện tử.

Đại diện Bên A
Giám đốc



TRẦN VĂN THÙY
Ngày 18 tháng 05 năm 2026

Đại diện Bên B
Tổng Giám đốc



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Ngày 18 tháng 05 năm 2026